

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGHĨA LỘ
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/HNGĐ-ST**

Ngày: 14-3-2022

“V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHĨA LỘ, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phú

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lương Thị Hoàn

2. Ông Ngô Quốc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thúy Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Nguyên Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2021/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lương Thị T**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Bản L, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái.

“Vắng mặt có lý do”

2. Bị đơn: Anh **Cầm Ngọc Th**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Bản L, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái.

“Vắng mặt có lý do”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị Lương Thị T trình bày: Chị và anh Cầm Ngọc Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 30/01/2008 tại UBND phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn chị về sống cùng với gia đình nhà chồng tại tổ B, phường T, thị xã N. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống về kinh tế và nuôi dạy con chung. Nay chị T xác định không còn tình cảm đối với anh Th nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn.

Tại bản tự khai anh Cầm Ngọc Th trình bày anh và chị Lương Thị T đăng ký kết hôn tự nguyện ngày 30/01/2008 tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn chủ yếu từ việc do vợ chồng tính tình không

hợp, bất đồng quan điểm sống, từ năm 2016 vợ chồng đã ly thân. Đến nay chị T xin ly hôn anh Th nhất trí.

Về con chung: Chị T và anh Th khai thống nhất có 01 con chung là Cẩm Ngọc Q, sinh ngày 20/01/2009. Khi ly hôn chị T nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, chị không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung; anh Th đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con theo nguyện vọng của cháu Q.

Về tài sản chung và nợ chung chị T và anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho anh Cẩm Ngọc Th, anh Th đã có bản tự khai nộp cho Tòa án. Tuy nhiên, do anh Th thường xuyên không có mặt ở nhà; chị nguyên đơn chị Lương Thị T yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải.

Tại biên bản xác minh thể hiện, chị Lương Thị T và anh Cẩm Ngọc Th có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và đúng như chị T trình bày. Quá trình chung sống anh Th thường xuyên vắng nhà, ít quan tâm đến gia đình vợ con, từ khoảng 02 năm nay chị T đã đưa con về bên ngoại ở. Ngoài ra, anh Th còn thuộc diện người nghi sử dụng chất ma túy tại địa phương. Nay chị T xin ly hôn, nuôi con chung đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, nhưng vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 72 của bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lương Thị T, xử cho cho chị Lương Thị T được ly hôn với anh Cẩm Ngọc Th.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử giao cho chị Lương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Cẩm Ngọc Q, sinh ngày 20/01/2009. Do chị T không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập để giải quyết.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 22/11/2021 chị Lường Thị T có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Cầm Ngọc Th có hộ khẩu thường trú tại tổ B, phường T thị xã N, tỉnh Yên Bái. Căn cứ quy định tại Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:*

Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HNGĐ, Giấy triệu tập, nhưng cả 2 đương sự chị Lường Thị T và anh Cầm Ngọc Th đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:*

Chị Lường Thị T và anh Cầm Ngọc Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký ngày 30/01/2008 tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh Th thường xuyên vắng nhà, ít quan tâm đến gia đình vợ con, vợ chồng đã ly thân được khoảng hai năm, thể hiện hôn nhân của họ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy yêu cầu xin ly hôn của chị Lường Thị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về con chung:*

Chị Lường Thị T và anh Cầm Ngọc Th có con chung là Cầm Ngọc Q, sinh ngày 20/01/2009. Xét thấy hiện nay cháu Q đang do chị T, trực tiếp nuôi dưỡng, chị T có nguyện vọng được nuôi con, anh Th đồng ý giải quyết việc nuôi con theo nguyện vọng của cháu Q (cháu Q xin được ở với mẹ), nên Hội đồng xét xử thấy cần thiết tiếp tục giao cháu quyền cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với thực tế và đúng quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị T và anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí:* Chị Lường Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[7] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lường Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Lường Thị T được ly hôn anh Cẩm Ngọc Th.

2. Về con chung:

Xử giao cho chị Lường Thị Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Cẩm Ngọc Q, sinh ngày 20/01/2009.

Anh Cẩm Ngọc Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị Lường Thị T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số AA/2021/0001050 ngày 22/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Nghĩa Lộ; chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lường Thị T và anh Cẩm Ngọc Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TX Nghĩa Lộ;
- CCTHADS TX Nghĩa Lộ;
- UBND phường. T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Phú

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGHĨA LỘ
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
§éc lĩp - Tù do - H^hnh phóc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 15 giờ 00 phút, ngày 14 tháng 3 năm 2022.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phú

Các Hội Thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Quốc Tuấn

2. Bà Lương Thị Hoàn

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 171/2021/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị Thịnh, sinh năm 1987

Địa chỉ: Bản Lè, phường Trung Tâm, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái.

- Bị đơn: Anh Cẩm Ngọc Thìn, sinh năm 1988

Địa chỉ: Bản Lè, phường Trung Tâm, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lương Thị Thịnh và anh Cẩm Ngọc Thìn kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký ngày 30/01/2008 tại Ủy ban nhân dân phường Trung Tâm, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Xác định việc chị Thịnh và anh Thìn có đăng ký kết hôn là đúng quy định của pháp luật.

Ngày 22/11/2021, chị Thịnh làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung với anh Thìn. Thấy rằng, sau khi kết hôn anh chị về sống cùng với gia đình chồng tại tổ bản Lè, phường Trung Tâm, thị xã Nghĩa Lộ, quá trình chung sống thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh Thìn thường xuyên vắng nhà, ít quan tâm đến gia đình vợ con, vợ chồng đã ly thân được khoảng 02 năm, không còn tình cảm, không còn sự quan tâm đến nhau nữa. Thể hiện hôn nhân của họ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Thịnh được ly hôn với anh Thìn.

Kết quả biểu quyết :3/3 nhất trí

2. *Về con chung:* Chị Thịnh và anh Thìn có 01 con chung là Cẩm Ngọc Quyền, sinh ngày 20/01/2009, hiện nay cháu Quyền đang ở với chị Thịnh; anh Thìn đề nghị giải quyết việc nuôi con theo nguyện vọng của cháu Quyền. Xét hiện nay chị Thịnh đang là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quyền nên Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục giao cháu Quyền cho chị Thịnh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do chị Thịnh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí

3. *Về tài sản chung:* Chị Thịnh và anh Thìn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí

4. *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Lương Thị Thịnh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí

5. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí

Nghị án kết thúc vào hồi 15 giờ 15 phút, ngày 14 tháng 3 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

